**BÀI 3: SỰ SỐNG THIÊNG LIÊNG**

**(Văn bản nghị luận)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Phân biệt được bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn để của xã hội đương đại.

- Nhận biết được nghĩa một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có chứa yếu tố Hán Việt đó.

- Viết được ván bàn nghị luận vể một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn để và ý kiến (đổng tình hay phàn đối) của người viết vể vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

- Trình bày được ý kiến vể một vấn để xã hội.

**1.2. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng gtiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV; Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm; Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động 1. Xác định vấn đề**

**Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**Nội dung:** HS lắng nghe yêu cầu, Suy nghĩ cá nhân

**Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chuyển giao nhiệm vụ | - GV yêu cầu HS theo dõi video “Phim thiên nhiên HD: Giai điệu tình yêu” và chia sẻ cảm xúc của mình sau khi xem những hình ảnh trong video. | - Cảm xúc của HS:  + Thích thú trước vẻ đẹp thiên nhiên… |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS theo dõi hình ảnh, hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi  GV theo dõi, quan sát HS |
| Báo cáo/ Thảo luận | - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân |
| Kết luận/ nhận định | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**A ĐỌC: TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Mục tiêu:** Phân biệt được bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

**Nội dung:** GV yêu cầu HS trình bày theo cặp đôi kết quả mà HS đã chuẩn bị ở nhà theo thẻ thông tin đã giao, để hệ thống tri thức thể loại .

**Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | (1) - *GV giao các câu hỏi chuẩn bị bài trước ở nhà cho các nhóm theo phiếu học tập sau: (thẻ thông tin)*   |  |  | | --- | --- | | ***HS 1*** | ***Câu 1.****Hãy nêu khái niệm* luận đề, luận điểm trong văn nghị luận? | | ***HS 2*** | ***Câu 2.*** *Em hiểu thế nào về Bằng chứng khách quan* *?Cho ví dụ.* | | ***HS 3*** | ***Câu 3****. Ý kiến, đánh giá chủ quan là như thế nào?.* | | ***HS 4*** | *Câu 4. Mối quan hệ* Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận? | | 1. A. Tri thức Ngữ văn:   Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận  *Luận đề* là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.  *Luận điểm* là những ý kiến thể hiện quan điêm của người viết về luận đề.  Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, bằng chứng.  Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận  *Bằng chứng khách quan* là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.  *Ý kiến, đánh giá chủ quan* là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở để kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.  Để làm nên sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, những ý *kiến, đánh giá chủ quan của người viết* cần dựa trên cơ sở các *bằng chứng khách quan.* Do đó, việc nhận ra *bằng chứng khách quan* và ý *kiến, đánh giá chủ quan của người viết* trong văn bản nghị luận giúp người đọc kiểm chứng được tính đúng, sai của các lập luận; lí giải được sức thuyết phục, tác động của văn bản. |
| Thực hiện nvụ | Nhiệm vụ 1: Hs trình bày theo cặp đôi.  Nhiệm vụ 2: Hs trả lời cá nhân.  - GV theo dõi, quan sát HS |
| HS BC | - Yêu cầu HS trả lời theo yêu cầu. |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét câu trả lời (trong quá trình hướng dẫn HS chốt đáp án trong trò chơi, giáo viên cần giải thích cho học sinh về hình ảnh trong thơ, thông điệp, vần, nhịp trong thơ…) và chốt kiến thức. |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học “Phim thiên nhiên”

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG : MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu****:*

- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

***b. Nội dung****:*

GV yêu cầu HS cùng theo dõi video theo đường link sau: https://www.youtube.com/watch?v=NqdLJUrHZCc và chia sẻ cảm nghĩ.

- Có phải sự sống của muôn loài đều thiêng liêng và đáng quý?

***c. Sản phẩm:***

Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | - GV yêu cầu HS theo dõi video “Phim thiên nhiên và chia sẻ cảm xúc của mình và trả lời câu hỏi sau khi xem những hình ảnh trong video. | - Cảm xúc của HS:  + Thích thú trước vẻ đẹp thiên nhiên…  - Có phải sự sống của muôn loài đều thiêng liêng và đáng quý?  - Sự sống của mỗi loài đều có ý nghĩa, có giá trị, và khi chúng ta biết trân trọng sự sống của thiên nhiên, cuộc sống sẽ có ý nghĩa hơn. |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS theo dõi hình ảnh, hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi  GV theo dõi, quan sát HS |
| Báo cáo/ Thảo luận | - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân |
| Kết luận/ nhận định | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1.Hoạt động giới thiệu tri thức mới.**

***a. Mục tiêu****:*

- ***b. Nội dung****:*

GV yêu cầu HS trình bày theo nhóm kết quả mà nhóm đã chuẩn bị ở nhà theo phiếu học tập đã giao,

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | (1)- *GV tổ chức cho học sinh trả lời các câu hỏi tìm hiểu chủ đề, thể loại, các văn bản trong chủ đề*  *(2) GV giao các câu hỏi chuẩn bị bài trước ở nhà cho các nhóm theo phiếu học tập sau:*   |  |  | | --- | --- | | ***Nhóm 1*** | ***Câu 1.*** *Nêu đặc điểm của văn nghị luận* | | ***Nhóm 2*** | ***Câu 2.*** *Nêu mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận* | | ***Nhóm 3*** | ***Câu 3****. Thế nào là luận đề, luận điểm* | | ***Nhóm 4*** | ***Câu 4.*** *Phân Biệt bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận* | | * **Tri thức đọc hiểu**   - **Đặc điểm của văn nghị luận**:  + Là loại văn bản có mục đích thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình về một vấn đề nào đó.  + Người viết trình bày ý kiến của mình về một vấn đề, sau đó sử dụng lí lẽ bàng chứng để củng cố ý kiến.  - **Mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng**  **+ Ý kiến** là những nhận xét thường mang tính khẳng định hoặc phủ định.  **+ Lí lẽ:** Là cơ sở làm rõ ý kiến quan điểm của người viết, thường tập trung nêu nguyên nhân  + **Dẫn chứng** là những minh chứng làm rõ cho lí lẽ, có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu thực tế.  - **Luận đề** là vấn đề chính được nêu ra và bàn luận trong văn nghị luận.  - **Luận điểm** là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.  **- Bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá chủ quan của người viết**  + Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan có thể kiểm chứng trong thực tế.  + Ý kiến đánh giá chủ quan là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra các bằng chứng khách quan. |
| Thực hiện nhiệm vụ | Nhiệm vụ 1: Hs trình bày theo nhóm.  Nhiệm vụ 2: Hs trả lời cá nhân.  - GV theo dõi, quan sát HS |
| Báo cáo  Thảo luận | - Yêu cầu HS trả lời theo yêu cầu. |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét câu trả lời (trong quá trình hướng dẫn HS chốt đáp án trong trò chơi, giáo viên cần giải thích cho học sinh về hình ảnh trong thơ, thông điệp, vần, nhịp trong thơ…) và chốt kiến thức. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**3.1Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, khắc sau hơn kiến thức về văn nghị luận.

**3.2Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**3.3 Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**3.4 Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS tham gia trả lời các câu hỏi trắc nghiệm về văn nghị luận và chủ đề của bài học

**Câu 1:** Chủ đề của bài học là:

1. Sắc thái của tiếng người B. Những góc nhìn cuộc sống

**C. Sự sống thiêng liêng**  D. Những bí ẩn của thế giới tự nhiên

**Câu 2:** Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “Văn nghị luận là loại văn bản chủ yếu dung để …. người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình về một vấn đề nào đó.”

1. Thuyết trình **B. Thuyết phục**

C. Giải thích D. Phân tích

**Câu 3:** Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “**Luận điểm** là những …. thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

1. Vấn đề B. Lí lẽ

**C. Ý kiến**  D. Bằng chứng

**Câu 4:** Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “…. là những thông tin khách quan có thể kiểm chứng trong thực tế.”

1. Lí lẽ dẫn chứng **B. Bằng chứng khách quan**

C. Luận đề D. Vấn đề nghị luận

**Câu 5:** Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “…. là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng”

1. Lí lẽ dẫn chứng B. vấn đề nghị luận

C. Bằng chứng **D. Ý kiến đánh giá chủ quan**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**4.1 Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**4.2 Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**4.3 Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

* 1. **Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS Hoàn thành phiếu học tập sau*

**LUẬN ĐỀ**

**MẠNG XÃ HỘI**

**Luận điểm 1:**

Mạng xã hội mang đến nhiều lợi ích

**Luận điểm 2:**

Mạng xã hội gây ra nhiều tác hại

**Lí lẽ 1.1:**

**Lí lẽ 1.2:**

**Lí lẽ 2.1:**

**Lí lẽ 2.2:**

**Bằng chứng**

**Bằng chứng**

**Bằng chứng**

**Bằng chứng**

- GV gợi ý:

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*



**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn.*

+ Soạn bài: ***Bức thư của thủ lĩnh da đỏ***

**VĂN BẢN 1: BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ (Xi-at-tô (Seattle) )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn để của xã hội đương đại.

**1.2. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng gtiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV; Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm; Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1.Hoạt động 1: Mở đầu**

**I. Chuẩn bị đọc**

**Mục tiêu**: Hướng HS vào nội dung của bài học.

**Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*C1:* Theo em, vì sao thiên nhiên được ví như bà mẹ của muôn loài?

*C2: Cho Hs xem clip về* thiên nhiên *và yêu cầu Hs chia sẻ cảm nhận của mình*

<https://www.youtube.com/watch?v=uw1iRR_K-jM>

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Hs suy nghĩ, quan sát -> GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm -> GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét

Thiên nhiên được ví như bà mẹ của muôn loài vì: Tất cả muôn loài kể cả con người đều được thiên nhiên nuôi dưỡng trong hàng triệu năm để có được như bây giờ.

*Thiên nhiên là một nơi cung cấp các nguồn tài nguyên để phục vụ cho cuộc sống và sản xuất sinh hoạt của con người. Con người hít thở không khí từ tự nhiên, uống nước từ tự nhiên, khai thác các loại khoáng sản, lâm sản, thổ sản, hải sản… để phục vụ cho nhu cầu trong đời sống, sản xuất của mình.Thiên nhiên còn quyết định đến các đặc điểm hình thái và hình thức quần cư, sinh sống của con người:*

*Những người sống ở khu vực Đông Á, nơi quanh năm có khí hậu nóng ẩm, đồng bằng nhiều, nguồn nước nhiều thì họ sẽ định cư dọc các con sống lớn, nơi phát triển được nghề lúa nước.*

*Còn đối với người da trắng sống ở khu vực châu Âu, nơi khí hậu ôn đới mát mẻ, nhiệt độ trung bình năm thấp thì họ phải trồng các loại cây thực phẩm là lúa mì, để thích ứng được với khí hậu nơi đây.*

*Thế nhưng, các hoạt động sinh sống và khai thác của con người ở một số vùng hiện nay đang phá hủy thiên nhiên và môi trường tự nhiên, do đó cần chung tay để giải quyết nhanh chóng vấn đề này.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**II. Trải nghiệm cùng văn bản**

**Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV hướng dẫn cách đọc*  *+ Gv hướng dẫn hs tìm hiểu chú thích*  *+ Giới thiệu tác giả, tác phẩm*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nvụ**  - Hs HĐCĐ: hỏi – trả lời theo *từ khoá in nghiêng và câu hỏi suy luận*  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kquả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  **-NV2: Tìm hiểu về tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: HS hỏi bạn:  **1. Suy luận:**Các hình ảnh so sánh, liên tưởng trong đoạn văn này gợi ý nghĩa gì?  **2. Suy luận:**Việc lặp lại giả định “Nếu… bán cho Ngài mảnh đất này” có ý nghĩa gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụBước 3: Báo cáo kquả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  **-NV3: Thực hiện PHT HĐCN** | **1. Đọc**  - HS biết cách đọc to, rõ ràng, diễn cảm.  - Trả lời được các câu hỏi suy luận.  **2. Chú thích**  - *Lăng mạ*  *- Hoang mạc*  **3. Tác phẩm**  - Các hình ảnh so sánh, liên tưởng trong đoạn văn này cho ta thấy con người và thiên nhiên có sự gắn bó máu thịt không thể tách rời, giống như các thành viên trong gia đình. Thiên nhiên nuôi dưỡng, che chở, bao bọc cho con người và ngược lại, con người không được lãng quên thiên nhiên.  - Việc lặp lại giả định “Nếu… bán cho Ngài mảnh đất này” có ý nghĩa nhấn mạnh mảnh đất này là mảnh đất vô cùng thiêng liêng và quý trọng đối với người dân nơi đây, nếu ngài của mua nó hãy tôn trọng và giữ gìn nó như cách mà họ đã và đang làm.  Tức là nhấn mạnh quan điểm, lập luận của tác giả về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. |

**PHT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| NHIỆM VỤ | NỘI DUNG |
| 1. Giới thiệu đôi nét về tác giả? | - Tác giả: Xi-at-tô |
| 2. Nêu xuất xứ của văn bản? | - Xuất xứ: Theo tài liệu Quản lí môi trường phục vụ phát triển bển vững - Dự án VIETPRO - 2020,1995; có đối chiếu và chỉnh lại theo bản in trong cuốn Chào nỏm 2000, NXB Đà Năng, 1999. |
| 3. Văn bản thuộc thể loại nào? | - Thể loại: văn nghị luận |
| 4. Xác định phương thức biểu đạt chính? | - PTBĐ: nghị luận+ miêu tả + biểu cảm |
| 5. Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? | Bố cục: 3 phần  – Phần 1 (từ: Đối với đồng bào tôi … tiếng thì thầm của dòng nước chính là tiếng nói của cha ông chúng tôi) – luận điểm 1: sự thiêng liêng và hoà hợp của thiên nhiên đối với người da đỏ. – Phần 2 (từ: Tôi biết người da trắng … của phấn thông) – luận điểm 2: cách sống chiếm hữu, không trân trọng thiên nhiên của người da trắng. – Phần 3 (từ: Không khí quả là quý giá với người da đỏ … tức là làm cho chính mình) – luận điểm 3: lời kêu gọi về cách sống trân trọng thiên nhiên và muôn loài.  **- Nội dung chính**: Qua bức thư trả lời yêu cầu mua đất của Tổng thống Mĩ Phreng-klin, thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tô, tác giả đã đặt ra một vấn đề có ý nghĩa toàn nhân loại: Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của mình. |

GV: Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hđộng **Suy ngẫm và phản hồi**.

**III. Suy ngẫm và phản hồi**

**Mục tiêu:**

Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

**Nội dung:** Hs sử dụng sgk, làm PHT theo sự hướng dẫn của GV

**Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**Tổ chức thực hiện:**

**NV1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ câu 1/61**

GV chia 4 nhóm/ theo tổ: HS thực hiện thuyết trình sơ đồ hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản trong thời gian 5’ phút đã yêu cầu chuẩn bị ở nhà.

**PHT 2**

**VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN**

Luận điểm 1

…………………..

Luận điểm 2

……………………

Luận điểm 3

……………….

……….

* Lí lẽ……….

- Bằng chứng………..

* Lí lẽ……….

- Bằng chứng………..

* Lí lẽ……….

- Bằng chứng………..

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

HS trao đổi, thảo luận, thống nhất ý kiến thuyết trình sơ đồ theo ND thống nhất.

**Bước 3: Báo cáo kquả hoạt động và thảo luận:**

HS: oản tù tì chọn người trong nhóm lên thuyết trình sơ đồ hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.

HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét ưu điểm, hạn chế và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

***1. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản:***

**Luận điểm 1:** Sự thiêng liêng và hoà hợp của thiên nhiên đối với người da đỏ  
– **Lí lẽ:** Mỗi sự vật, hiện tượng thiên nhiên đều quý giá, thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ và mang chứa kí ức của người da đỏ trong nhiều thế hệ.  
– **Bằng chứng:** Mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng; dòng nước óng ánh … đâu chỉ là những giọt nước, mà còn là máu của tổ tiên chúng tôi; những tia sáng chói chang phản chiếu từ mặt hồ trong vắt sẽ nói lên cái gì đó về kí ức của người da đỏ; tiếng thì thầm của dòng nước chính là tiếng nói của cha ông chúng tôi.  
**Luận điểm 2**: Cách sống chiếm hữu, không trân trọng thiên nhiên của người da trắng  
– **Lí lẽ:** Người da trắng lấy đi từ lòng đất những gì họ cần, mảnh đất này là kẻ thù của họ, họ cư xử với mẹ đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được.  
– **Bằng chứng:** Ở thành phố của người da trắng, chẳng có nơi nào là yên tĩnh cả, chỉ có tiếng ồn ào lăng mạ; thiếu vắng đi âm thanh của tự nhiên như tiếng lá cây lay động vào mùa xuân hay tiếng vỗ cánh của côn trùng…  
**Luận điểm 3:** Lời kêu gọi về cách sống trân trọng thiên nhiên và muôn loài  
– **Lí lẽ 1:** Cần quý trọng không khí

**- Bằng chứng:** Không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở, người da trắng cũng cùng chia sẻ, hít thở bầu không khí đó; ngọn gió mang lại hơi thở đầu tiên của cha ông chúng tôi và cũng nhận lại hơi thở cuối cùng của họ.  
– **Lí lẽ 2:** Cần coi muông thú sống trên mảnh đất này như người anh em

- **Bằng chứng:** dẫn ra sự việc cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn … vì bị người da trắng bắn để cho thấy hành vi của người da trắng với muông thú, nhằm mục đích cảnh báo nếu muông thú không còn, thì con người sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người.  
– **Lí lẽ 3:** Cần kính trọng đất đai

**- Bằng chứng:** mảnh đấtdưới chân … là những nắm tro tàn của cha ông chúng tôi, đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chủng tộc chúng tôi bồi đắp nên; điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất.

***NV2:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ câu 2, 3 /61**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**

HS hoạt động cá nhân, trình bày sản phẩm.

**Bước 3: Báo cáo kquả hoạt động và thảo luận:**

HS: trả lời câu hỏi 2, 3/61

HS khác lắng nghe, nhận xét ưu điểm, hạn chế và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

[***?*** *Văn bản chủ yếu hướng đến luận đề nào dưới đây? Lí giải vào hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng của văn bản.*](https://vietjack.me/van-ban-buc-thu-cua-thu-linh-da-do-chu-yeu-huong-den-luan-de-nao-duoi-129065.html)

[*a. Hồi đáp lời đề nghị mua đất của Tổng thống Mỹ.*](https://vietjack.me/van-ban-buc-thu-cua-thu-linh-da-do-chu-yeu-huong-den-luan-de-nao-duoi-129065.html)

[*b. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.*](https://vietjack.me/van-ban-buc-thu-cua-thu-linh-da-do-chu-yeu-huong-den-luan-de-nao-duoi-129065.html)

**Gợi ý:** Mặc dù lá thư viết để hồi đáp lời đề nghị mua đất của Tổng thống Mỹ  
Phreng-klin Pi-ơ-xơ, tuy vậy, luận đề của VB chính là mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên (phương án b). Điều này thể hiện rõ qua hệ thống luận điểm của VB: luận điểm 1 nhấn mạnh vai trò và sự thiêng liêng của thiên nhiên với người da đỏ, luận điểm 2 phê phán cách sống thiếu tôn trọng thiên nhiên, sở hữu và huỷ hoại thiên nhiên của người da trắng, luận điểm 3 kêu gọi cách ứng xử đúng đắn, văn minh với thiên nhiên. Như vậy, với luận đề mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, luận điểm 1 đưa ra chính đề, luận điểm 2 đưa ra phản đề, hai luận điểm này là cơ sở cho luận điểm 3, có tính chất như một kết luận.

[***?****Phân tích mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.*](https://vietjack.me/phan-tich-moi-lien-he-giua-luan-de-luan-diem-li-le-va-bang-chung-129066.html)

**Gợi ý:**

- Luận đề thể hiện ngay trong nhan đề văn bản là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận.

- Luận điểm là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

- Luận đề được làm sáng tỏ bằng hệ thống luận điểm và các lí lẽ, bằng chứng.

[*? Em hãy xác định câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn trích sau:*](https://vietjack.me/em-hay-xac-dinh-cau-van-the-hien-bang-chung-khach-quan-va-y-kien-danh-129067.html)

[*Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần, chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhà khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú?*](https://vietjack.me/em-hay-xac-dinh-cau-van-the-hien-bang-chung-khach-quan-va-y-kien-danh-129067.html)

**Gợi ý:**

– Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan: “*Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua”.*  
– Câu văn thể hiện ý kiến, lí lẽ chủ quan của người viết: những câu còn lại.

[**Câu 5 (trang 62 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1)**:](https://vietjack.me/em-hieu-nhu-the-nao-ve-y-kien-dat-la-me-dieu-gi-xay-ra-voi-dat-dai-tuc-129068.html)

[Em hiểu như thế nào về ý kiến: “Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất”? Tìm một số ví dụ từ thực tế để chứng minh cho cách hiểu của em.](https://vietjack.me/em-hieu-nhu-the-nao-ve-y-kien-dat-la-me-dieu-gi-xay-ra-voi-dat-dai-tuc-129068.html)

**Gợi ý:**

HS có thể có nhiều cách lí giải khác nhau, miễn là hợp lí. Sau đây là một cách  
lí giải:  
– “Đất là Mẹ”: đất đai là cội nguồn sinh dưỡng của con người.  
– “Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất”: giữa con người và đất (khái quát hơn là thiên nhiên) có mối quan hệ gắn bó khăng khít không thể tách rời, có sự tương quan về số phận, vận mệnh.  
– Thông điệp cả câu: con người cần hiểu được vai trò, ý nghĩa của đất đai nói riêng  
và thiên nhiên nói chung, từ đó, biết trân trọng, bảo vệ đất đai và thiên nhiên nói chung.

*GV mời HS đưa ví dụ thực tế chứng minh cho cách hiểu của mình. HS có thể đưa ví dụ cho từng ý trong câu nói hoặc cho ý thông điệp của cả câu. GV tổng kết, nhấn mạnh thông điệp về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.*

Đất là “Mẹ” bao dung, ban cho “những đứa con” của đất là chúng ta cái “tổ sống”: trú ngụ, trồng trọt… “Những đứa con” của đất khi đó chỉ biết dựa vào bà mẹ thiên nhiên của mình để sinh tồn: nơi để trú ngụ, để trồng trọt, chăn nuôi tạo nên mùa màng hoa trái, cảnh quan thiên nhiên để con người thưởng ngoạn…

- Một số ví dụ thực tế chứng minh:

+ Có đất chúng ta mới có thể xây nhà làm nơi sinh sống, trú ngụ.

+ Có đất mới có thể trồng trọt từ đó có cái ăn cái uống.

+ Nếu đất hư hại sẽ dẫn đến lũ lụt, sạt lở… khiến cuộc sống con người bị đe dọa.

+…

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**Mục tiêu:** Hoàn thiện kiến thức vừa tìm hiểu được; áp dụng kiến thức để làm các bài tập nhằm luyện tập kiến thức, kỹ năng.

**Nội dung:** bài tập tự luận.

**Sản phẩm:** Bài làm của học sinh.

**Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: câu 6/62**

*? Đoạn văn nào trong bức thư để lại cho em ấn tượng mạnh nhất? Chia sẻ ấn tượng của em với các bạn trong lớp.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu để trình bày ý kiến cá nhân,

**-** HS làm việc cá nhân và viết vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV**:

**HS**:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm.

**Gợi ý:** *HS có thể nêu cảm nhận về đoạn văn để lại cho em ấn tượng mạnh nhất. HS có thể nêu cảm nhận về nội dung đoạn văn, cách triển khai luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, vẻ đẹp ngôn từ,… GV có thể kết luận, nhấn mạnh: vẻ đẹp của VB này đến từ nhiều yếu tố: hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng chặt chẽ; cảm xúc chân thành; thông điệp ý nghĩa về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên; những câu văn giàu hình ảnh, những phép điệp vừa tạo nhạc tính vừa mang âm hưởng hùng biện;…*

- Đoạn văn trong bức thư để lại cho em ấn tượng mạnh nhất là: “Không khí quả là quý giá với người da đỏ… hương hoa đồng cỏ”.

→ Đọc đến đoạn này chúng ta càng hiểu rõ hơn về sự giao thoa giữa con người và thiên nhiên, mối quan hệ gắn bó tưởng chừng như không thể tách rời ấy đã động vào trái tim của người đọc, người nghe một cảm xúc thiêng liêng khó tả.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:*

- HS vận dụng những kiến thức đã học để viết đoạn văn

*b. Nội dung:* Giáo viên giao bài, hướng dẫn học sinh làm bài

*c. Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: câu 7/62**

*?* [*Theo em, con người cần ứng xử như thế nào với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài? Trình bày ý kiến của em về vấn đề này bằng một đoạn văn khoảng một trăm năm mươi chữ.*](https://vietjack.me/top-10-mau-con-nguoi-can-ung-xu-nhu-the-nao-voi-tai-nguyen-thien-nhien-126083.html)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (Về nhà)**

**-** GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ (Báo cáo bài viết vào tiết văn sau).

**-** HS làm việc cá nhân và viết đoạn văn vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận (Tiết sau)**

**GV**:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

**HS**:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm.

**Gợi ý:** *Đây là câu hỏi mở, HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận của bản thân. GV cho HS trình bày ý tưởng tại lớp theo hình thức theo nhóm đôi, sau đó hướng dẫn HS viết đoạn văn tại nhà. GV lưu ý đến HS quy cách trình bày đoạn văn và dung lượng.*

**Đoạn văn tham khảo**

*Từ xa xưa, thiên nhiên đã là người bạn tuyệt vời nhất và có tầm quan trọng vô cùng đặc biệt với con người. Con người cũng không phụ lòng thiên nhiên khi đã cùng chung tay thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài thú hiếm, giúp chúng không rơi vào nguy cơ tuyệt chủng. Hiện nay, không ít hoạt động trồng cây xanh ven đường, trồng cây xanh-sạch-đẹp được các tổ chức cộng đồng, đặc biệt là được các bạn học sinh tham gia rất nhiệt tình. Cũng bên cạnh đó, có nhiều tổ chức Bảo vệ động vật quý hiếm được lập ra để đảm bảo sự an toàn cũng như ngăn chặn các hành vi săn bắt, buôn bán trái phép của bọn người buôn lậu. Mỗi ngày trôi qua, ở đâu đó lại xuất hiện những hành vi gây ảnh hưởng xấu đến môi trường thiên nhiên như hiện tượng lâm tặc đốn cây rừng, buôn bán gỗ trái phép, ngang nhiên tàn hại các loài thú quý hiếm. Thật đáng xấu hổ, họ chỉ biết hành động vì lợi ích cá nhân, mà không nghĩ đến rằng việc làm đó còn ảnh hưởng sâu sắc đến việc tàn phá môi trường. Là học sinh, tôi luôn có ý thức về sự quan trọng của môi trường đối với đời sống con người. Để thể hiện rõ tình yêu thiên nhiên, tôi và cũng như tất cả mọi người cần chung tay nhau giúp sức, tuyên truyền cho những người xung quanh mình biết về lợi ích của thiên nhiên khi chúng được bảo vệ và tác hại khi chúng ta phá hoại đi tài sản ấy. Vì sự sống của hành tinh này, chúng ta cần biết khai thác, sử dụng hợp lí cũng như bảo tồn, giữ gìn thiên nhiên để nó trở thành một trong những tài sản quý giá nhất của con người chúng ta.*

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

**Văn bản 2: THIÊN NHIÊN VÀ HỒN NGƯỜI LÚC SANG THU**

**(Vũ Nho)**

**A hand holding a seedling

Description automatically generated with low confidenceA picture containing text, nature, sky, outdoor

Description automatically generatedA picture containing text, nature, mountain, highland

Description automatically generated**A stream running through a grassy area with trees and mountains in the background

Description automatically generated with low confidence

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

* Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

**2. Về năng lực**

* ***Năng lực đặc thù***
* Năng lực tri giác ngôn ngữ nghệ thuật.
* Năng lực tái hiện hình tượng.
* Năng lực liên tưởng trong tiếp nhận văn học.
* Năng lực cảm thụ cụ thể kết hợp khái quát hóa chi tiết nghệ thuật.
* ***Năng lực chung***
* Năng lực trình bày suy nghĩ, nêu và giải quyết vấn đề
* Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung bài học
* Phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học bài

**3. Về phẩm chất**

* Cảm nhận và yêu vẻ đẹp thiên nhiên.
* Trân trọng sự sống của thiên nhiên và con người.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học (“Cảnh đẹp thiên nhiên cảnh đẹp mùa thu lá vàng tuyệt đẹp”)

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (10 phút)**

**a. Mục tiêu**:

- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

**b. Nội dung**:

GV yêu cầu HS cùng theo dõi video theo đường link sau: https://www.youtube.com/watch?v=IrFPTgtIadU

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Giao nhiệm vụ học tập | - GV yêu cầu HS theo dõi video “(“Cảnh đẹp thiên nhiên cảnh đẹp mùa thu lá vàng tuyệt đẹp”) và chia sẻ cảm xúc của mình sau khi xem những hình ảnh trong video. | - Cảm xúc của HS:  + Thích thú trước vẻ đẹp mùa thu…  + Thiên nhiên thật diệu kì |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS theo dõi hình ảnh, hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi  GV theo dõi, quan sát HS |
| Báo cáo, thảo luận | - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân |
| Kết luận, nhận định | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (60 phút)**

**2.1 Chuẩn bị đọc:**

**a.Mục tiêu:**

-Kích hoạt kiến thức nền liên quan đến chủ đề văn bản, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung bài học.

-Bước đầu biết tưởng tưởng một số hình ảnh được nhắc đến trong bài thơ.

- Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản.

**b. Nội dung**: Trình chiếu lại bài thơ “Sang thu”, Hs ghi lại cảm nhận của mình về bài thơ (5-7 phút)

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Giao nhiệm vụ học tập* | Trình chiếu lại bài thơ “Sang thu”, Hs ghi lại cảm nhận của mình về bài thơ (5-7 phút) | Tùy theo cảm nhận của HS:  - Bài thơ sử dụng rất nhiều hình ảnh, chi tiết đặc sắc giàu sức gợi hình tái hiện chân thật góc nhìn cũng như cảm xúc say sưa, hòa nhịp của tác giả trong khoảnh khắc thiêng liêng của đất trời và những chiêm nghiệm sâu sắc của tác giả về cuộc đời, về lẽ sống. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ cá nhân |
| *Báo cáo, Thảo luận* | GV mời 1 – 2 HS trả lời cá nhân |
| *Kết luận, Nhận định* | - Gv ghi nhận những câu trả lời thể hiện cảm nhận của các em khi đọc xong bài thơ “Sang thu”.  -GV nhận xét câu trả lời của học sinh. |

**2.2 Trải nghiệm cùng văn bản:**

**a.Mục tiêu:**

- Bước đầu vận dụng kĩ năng tưởng trong quá trình đọc văn bản.

- Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản.

**b. Nội dung**: - GV hướng dẫn HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm:** Phần đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Giao nhiệm vụ học tập* | - GV yêu cầu cả lớp đọc văn bản, tạm ngừng ở những chỗ có kí hiệu câu hỏi, sử dụng kĩ năng suy luận để trả lời câu hỏi trong đầu hoặc ghi nhanh ra giấy note. |  |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS đọc và lắng nghe văn bản theo hướng dẫn |
| *Báo cáo, Thảo luận* | - HS hoạt động cá nhân  - GV mời 1-2 HS trả lời nhanh câu hỏi |
| *Kết luận, Nhận định* | GV lắng nghe, nhận xét cách HS thực hiện kĩ năng suy luận. |

**2.3 Suy ngẫm và phản hồi:**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng

- Thấy được tình cảm của tác thể hiện trong bài thơ.

- Nhận ra được thái độ, cách ứng xử cá nhân do VB gợi ra.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS thảo luận nhóm

- HS làm việc nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Nhiệm vụ 1: 1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản | | |
| *Giao nhiệm vụ học tập* | - GV yêu cầu HS đọc lướt, chia bố cục văn bản để xác định các luận điểm lớn, từ đó xác định lí lẽ và bằng chứng trong văn bản  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Sự phát triển** | **Từ ngữ miêu tả** | **Phân tích ý nghĩa** | |  |  |  |   *? Em nhận xét gì về việc tuân thủ đặc trưng thơ lục bát ở bốn câu thơ đầu?* | **1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điểm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Luận điểm 1: Cảm nhận tinh tế về những tín hiệu giao mùa | 1.1. Những tín hiệu giao mùa.  1.2. Những cảm nhận tinh tế của tác giả ở thời khác giao mùa. | - Hương ổi, gió se, sương chùng chình qua ngõ.  - Hình như thu đã về.  - Cảm nhận hương ổi, nhận ra gió se, nhìn thấy sương chùng chình qua ngõ,…. | | Luận điểm 2: Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa | 2.1. Sự chuyển biến của thiên nhiên rộng lớn.  2.2. Hình ảnh đặc sắc của thời điểm giao mùa | - Sông được lúc dềnh dàng/ Chim bắt đầu vội vã  - Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu. | | Luận điểm 3: Những suy tư và chiêm nghiệm của tác giả | 3.1. Những suy tư của tác giả về mùa thu.  3.2. Những suy tư về hồn người lúc sang thu. | Vẫn còn bao nhiêu nắng/ Đã vơi dần cơn mua/ Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi. | |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS hoạt động thảo luận theo nhóm. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | *-* GV yêu cầu 1-2 HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức |
| *Hết tiết 1, sang tiết 2*  Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu luận đề của văn bản | | |
| *Giao nhiệm vụ học tập* | - GV yêu cầu học sinh đọc lại phần Tri thức ngữ văn để hiểu rõ mối quan hệ giữu luận đề với luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; từ đó xác định luận đề trong văn bản và cơ sở xác định luận đề ấy. | **2. Luận đề của văn bản**  - Luận đề: sự chuyển biến của thiên nhiên và hồn người ở thời điểm sang thu.  - Cơ sở xác định: luận đề được thể hiện qua ba luận điểm: những tín hiệu giao mùa trong cảm nhận tinh tế của tác giả, bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa và những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả. Ba luận điểm này được làm sáng tỏ bởi các lí lẽ và bằng chứng như đã phân tích. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS hoạt động thảo luận theo nhóm. |
| *Báo cáo, thảo luận* | - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. |
| *Kết luận, nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức. |
| Nhiệm vụ 3: Mối liên hệ giữ luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản | | |
| *Giao nhiệm vụ học tập* | GV yêu cầu HS hoàn thành sơ đồ gợi ý để hình dung rõ hơn về mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản nghị luận. (Phụ lục 1)  GV có thể hỗ trợ học sinh bằng các câu hỏi:  - Luận đề của văn bản là gì?  - Luận đề được thể hiện thông qua mấy luận điểm? Đó là những luận điểm nào?  - Đối với từng luận điểm, người viết đã đưa ra những lí lẽ và bằng chứng nào để làm rõ?  - Theo em, đối với văn bản nghị luận, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò gì trong việc thể hiện luận đề? | **3. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản**  Đối với văn bản nghị luận, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò làm sáng tỏ cho luận đề. Hay nói cách khác, luận đề trong văn bản nghị luận được thể hiện thông qua hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. |
| *Báo cáo, thảo luận* | - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. |
| *Kết luận, nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức . |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập số 6.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ học tập : GV yêu cầu học sinh làm bài tập số 6: Viết đoạn văn (7-9 câu) trình bày cảm nhận của mình về vẻ đẹp của thiên nhiên lúc giao mùa.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (10 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

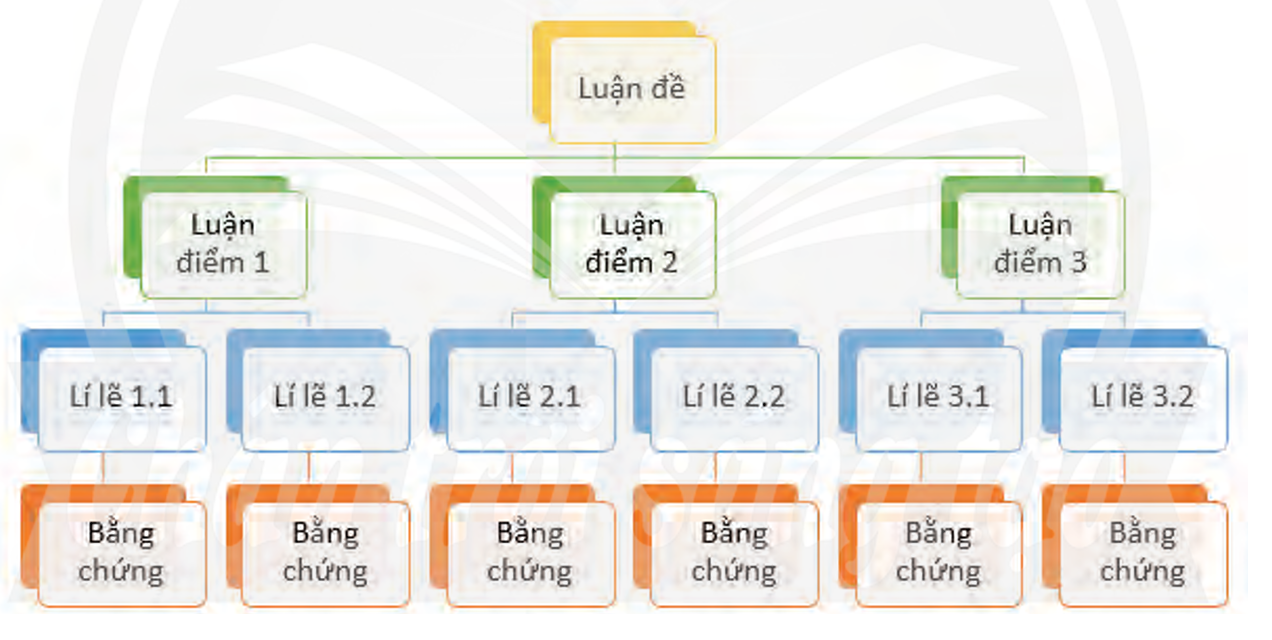
- Giao nhiệm vụ học tập : *GV yêu cầu HS:*Hãy tưởng tượng mình là một cơn gió mùa thu và kể lại chuyến đi trong một ngày của mình.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Phụ lục 1



**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: BÀI CA CÔN SƠN**

**(Nguyễn Trãi)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và tâm hồn tinh tế, tài hoa của tác giả.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu* để hiểu hơn về chủ điểm *Sự sống thiêng liêng.*

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp thiên nhiên qua bài thơ

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu* để hiểu hơn về chủ điểm *Sự sống thiêng liêng.*

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Rubic đánh giá;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Bài ca Côn Sơn*

**b. Nội dung:** Tổ chức hoạt động “**Nhìn hình đoán chữ**”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của Học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: **“Nhìn hình đoán chữ”**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động**

- HS tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS đọc văn bản và xem kĩ các chú thích

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Phần đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm:** GV hướng dẫn HS cách đọc diễn cảm thể hiện được cảm xúc của bài về vẻ đẹp thiên nhiên trong văn bản.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc

**\* Báo cáo, thảo luận:** HS đọc văn bản, nhận xét cách đọc.

**\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét cách đọc của HS

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và tâm hồn tinh tế, tài hoa của tác giả.

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu* để hiểu hơn về chủ điểm *Sự sống thiêng liêng.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Cảnh Côn Sơn được miêu tả qua những hình ảnh cụ thể nào?*  *+ Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong bài thơ.*  *+ Qua những chi tiết trên, em có nhận xét gì về cảnh trí Côn Sơn?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức**  **\* Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh trả lời một số câu hỏi:  *- Tìm các chi tiết miêu tả thiên nhiên và nhân vật “ta” trong đoạn thơ, từ đó nhận xét về mối quan hệ giữa thiên nhiên và nhân vật “ta”.*  *- Nêu cảm nhận của em về hình ảnh và tâm hồn của nhân vật “ta”trong đoạn thơ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | ***1. Bức tranh Côn Sơn qua cảm nhận của thi sĩ***  \* Nghệ thuật:  - Phép điệp từ “ta”: 5 lần, “Côn Sơn”: 2 lần  - Phép so sánh:  + Tiếng suối chảy rì rầm - tiếng đàn cầm  + Ngồi trên đá – như ngồi chiếu êm.  => Khung cảnh thiên nhiên khoáng đạt, hài hòa, dịu dàng, thanh tĩnh và nên thơ. Gợi cảm giác của cõi yên tĩnh, tu dưỡng tâm hồn.  **2. Hình ảnh nhân vật trữ tình**    => Nhân vật “ta” – Nguyễn Trãi là người vô cùng yêu quý, hòa hợp, gần gũi với thiên nhiên; cảm nhận bằng tất cả giác quan bén nhạy và tâm hồn nghệ sĩ phóng khoáng, tài hoa của mình. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Bài ca Côn Sơn

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 10 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh và tâm hồn của nhân vật “ta” trong văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Phần viết đoạn văn của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 10 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh và tâm hồn của nhân vật “ta” trong văn bản.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Học thuộc lòng bài thơ

+ Ôn tập, nắm được nội dung bài học

+ Chuẩn bị bài: Thực hành Tiếng Việt

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực:***

- Xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt.

***2. Về phẩm chất:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, ...

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

*a. Mục tiêu:* Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức.

*b. Nội dung:* Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Nhìn hình đoán chữ”.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh

*d. Tổ chức thực hiện:*

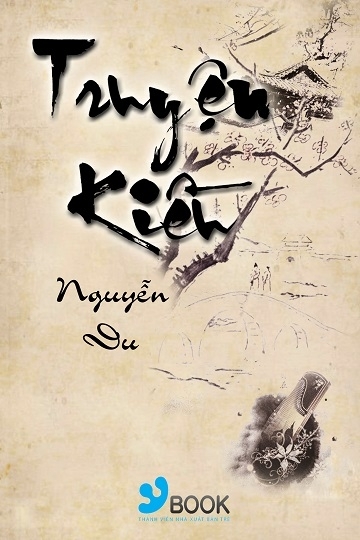
**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: **“Nhìn hình đoán chữ”**: Dùng những từ Hán Việt phù hợp với bức ảnh cho sẵn. Chia thành 2 đội: Mỗi đội đoán 2 từ.

**Câu 1:** CHINH PHỤ



**Câu 2:** Thơ văn đến thế thì thật là **Tuyệt bút.**



**Câu 3: LẠM PHÁT**



**Câu 4: VÔ TẬN**



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Học sinh chơi trò chơi “Nhìn hình đoán chữ”.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*GV Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:*

Bằng việc trả lời các câu hỏi ở trò chơi, các em đã ôn lại kiến thức về yếu tố Hán Việt trong chương trình Ngữ văn lớp 6- 7. Bài học hôm nay, các em tiếp tục tìm hiểu về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt qua tiết học: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT hôm nay nhé!

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a**. **Mục tiêu**: TV- GQVĐ (HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về yếu tố Hán Việt).

- Xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.

**b. Nội dung hoạt động:** HS hoạt động nhóm, cá nhân để nhắc lại lí thuyết về yếu tố Hán Việt và hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại kiến thức về yếu tố Hán Việt  **(Nhắc lại lí thuyết (Lớp 6 – Bài 8: Những góc nhìn cuộc sống)**  **H:** Yếu tố Hán Việt là gì? Từ Hán Việt là gì?  **H:** Từ ghép Hán Việt có mấy loại? Đó là những loại nào?  - Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.  *🡪 Yếu tố Hán Việt* có khả năng cấu tạo nên rất nhiều từ khác nhau. Việc hiểu chính xác và sử dụng đúng các yếu tố Hán Việt đóng vai trò rất quan trọng trong giao tiếp.  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: nhớ lại kiến thức suy nghĩ và trả lời miệng.  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi HS khác nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **I. LÝ THUYẾT**  **1. Yếu tố Hán Việt**  - Các tiếng tạo nên từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt  **2. Từ Hán Việt**  - Từ Hán Việt là từ vay mượn của tiếng Hán nhưng được đọc theo cách phát âm của Tiếng Việt.  - Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập. | |
| **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | | |
| **a. Mục tiêu:** HS thực hành làm bài tập xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.  **b. Nội dung:** Học sinh làm bài tập SGK/66 -67  **c. Sản phẩm:**Phần bài tập HS đã làm*.*  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **\*Hướng dẫn HS làm các bài tập phần “Thực hành Tiếng Việt” (SGK/66 -67)**  **NV1:**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** *Tìm những từ ghép có yếu tố Hán Việt trong bảng sau (cột hai) và giải thích ý nghĩa của những từ đó.*  **Trò chơi: TIẾP SỨC**  - Chia lớp thành 2 Đội: Mỗi Đội tìm từ ghép Hán Việt cho 5 yếu tố Hán Việt trong thời gian 5 phút, các thành viên trong Đội thay phiên nhau ghi các từ ghép Hán Việt lên bảng. Sau 5 phút, Đội nào ghi đúng được nhiều từ nhất thì Đội đó sẽ chiến thắng và nhận được 1 phần quà!   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** | | 1 | Vô (không) | | Vô tình,.. | | 2 | Hữu (có) | | Hữu duyên,… | | 3 | Hữu (bạn) | | Thân hữu,... | | 4 | Lạm (quá mức) | | Lạm quyền,… | | 5 | Tuyệt (cực kì, hết mức) | | Tuyệt sắc… | | 6 | Tuyệt (dứt, không còn gì) | | Tuyệt giao… | | 7 | Gia (thêm vào) | | Gia vị… | | 8 | Yếu tố Hán Việt | | Gia phong… |   - GV hướng dẫn HS giải thích ý nghĩa của một số từ Hán Việt HS tìm được. | **BT1/sgk -66** | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** | | **1** | **Vô (không)** | **- Vô dụng: Không có tác dụng gì, không dung được vào việc gì cả**  **- Vô tình: không còn tình cảm** | | **2** | **Hữu (có)** | **- Hữu hiệu: có tác dụng, hiệu lực**  **- Hữu duyên: có duyên với nhau** | | **3** | **Hữu (bạn)** | **- Thân hữu: Bạn bè thân thuộc**  **- Bằng hữu: Bạn bè** | | **4** | **Lạm (quá mức)** | **- Lạm quyền: Làm những việc vượt quá quyền hạn của mình**  **- Lạm thu: Thu quá mức quy định (thường để chiếm làm của riêng)** | | **5** | **Tuyệt (cực kì, hết mức)** | **- Tuyệt sắc: Có nhan sắc tuyệt đẹp, không ai sánh bằng**  **- Tuyệt mĩ: đẹp đến mức không còn có thể hơn** | | **6** | **Tuyệt (dứt, không còn gì)** | **- Tuyệt giao: cắt đứt mọi quan hệ, không đi lại ,giao thiệp với nhau nữa**  **- Tuyệt chủng: Bị mất hẳn nòi giống** | | **7** | **Gia (thêm vào)** | **- Gia nhập: tham gia**  **- Gia tăng: thêm, tăng lên** | | | |
| **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm lần lượt lên bảng ghi  - Giáo viên: quan sát, theo dõi, hướng dẫn  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả: Quan sát kết quả bài làm của mỗi Đội.**  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên cùng HS nhận xét, chấm điểm, đánh giá kết của của mỗi Đội.  - Trao thưởng  **NV2:**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Đặt câu với 3 từ Hán Việt tìm được ở bài tập trên.  - GV mời 3 HS lên bảng đặt câu.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - 3 HS lên bảng làm bài tập  - HS còn lại làm vào vở  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS đặt câu, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả.**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **NV3:**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **H:** *Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:*  **a.** *Bức tranh thu từ những gì* ***vô hình*** *(hương, gió), từ ngõ hẹp (ngõ) chuyên sang những nét* ***hữu hình****, cụ thể (sông, chim, mây) với một không gian vừa dài rộng, vừa cao vời.*  (Vũ Nho, *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)*  **b.** *Nhưng có điều khi sang thu, khi nửa đời nhìn lại thì người ta một mặt sâu sắc thêm, chín chắn thêm,* **thâm trầm***,* ***điềm đạm*** *thêm, mặt khác người ta phải* ***khẩn trương*** *thêm, gấp gáp thêm.*  (Vũ Nho, *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)*  **c.** *Tài nguyên rừng đang bị thu hẹp từng ngày, diện tích rừng tự nhiên che phu giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyên qua đất nông, công nghiệp, các loài sinh vật quý hiếm thì đứng trước nguy cơ* ***tuyệt chủng****.*  (Phan Anh Hải, *Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên ờ Việt Nam và thế giới)*  **d***. Đối với* ***đồng bào*** *tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lủá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi.*  (Xi-át-tô, *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)*  **Tổ chức trò chơi: AI NHANH HƠN**  - GV phát phiếu học tập nối cột A và B sao cho đúng. Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút. Giáo viên lấy 5 bài hoàn thành nhanh nhất để chấm. Các HS còn lại chấm chéo cho nhau theo bàn.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A** | **B** | **Đáp án** | | 1. Vô hình | **a**. Chỉ những người cùng một nòi giống, cùng một dân tộc. | **1-c** | | 2. Thâm trầm | **b**. Hết sức tranh thủ thời gian để mau chóng đạt kết quả | **2-f** | | 3. Điềm đạm | **c**. Không nhìn thấy hình thể | **3-d** | | 4. Khẩn trương | **d**. Luôn từ tốn, nhẹ nhàng, không gắt gỏng, nóng nảy. | **4-b** | | 5. Tuyệt chủng | **e**. Mất hẳn nòi giống. | **5-e** | | 6. Đồng bào | **f**. Sâu sắc và kín đáo, không để lộ tâm tư ra bên ngoài. | **6-a** | | 7. Hữu hình | **g.** Nhìn thấy hình thể | **7-g** |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Gv chọn 5 bài nhanh nhất.  - GV gọi đại diện 2 HS lên trình bày.  - HS chấm chéo cho nhau  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chấm 5 bài nhanh nhất và nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm chung, chốt kiến thức.  **NV 4:**  - **Thảo luận nhóm bàn**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **H:** *Trong câu sau, nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi không? Vì sao?*  Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần, chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhã khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống.  (Xi-át-tô, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)  (- Trong đoạn văn, nếu thay từ “*hoang dã”* bằng từ *“mông muội”* thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi. Vì:  - *Hoang dã*: có tính chất tự nhiên của núi rừng, xa đời sống của xã hội loài người.  - *Mông muội*:  + Giai đoạn hình thành và phát triển đầu tiên của xã hội nguyên thủy, khi con người sống chủ yếu bằng hái lượm.  + Ngu dại, tối tăm ( văn bản dùng nghĩa thứ 2)  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS trao đổi ý kiến thảo luận nhóm bàn.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS trả lời, trao đổi ý kiến, kết quả thảo luận.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả.**  - GV nhận xét, đánh giá.  **NV 5:**  - **Thảo luận nhóm bàn**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **H:**Phân biệt ý nghĩa của các cặp từ sau và cho ví dụ minh hoạ:  a. Vô tư/vô ý thức  b. Chinh phu/ chinh phụ  a. \*Vô tư: không lo nghĩ gì  - Bạn nhỏ đó tính tình rất hồn nhiên, vô tư.  \*Vô ý thức: không có chủ định, không biết rõ mình đang làm là không đúng, là sai trái   - Xả rác bừa bãi là hành vi vô ý thức.  b. \* Chinh phu: Người đàn ông đi đánh trận thời phong kiến.  - Người chinh phu chinh chiến ngoài mặt trận.  \* Chinh phụ: Vợ của người đàn ông đi đánh trận thời phong kiến.  - “Chinh phụ ngâm” là tác phẩm tố cáo chiến tranh phi nghĩa thời phong kiến.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS trao đổi ý kiến thảo luận nhóm bàn  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS trả lời, trao đổi ý kiến, kết quả thảo luận.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả.**  - GV nhận xét, đánh giá. | | **BT 2/sgk -67**  - Người **chinh phụ** mòn mỏi chờ chồng đi chinh chiến phương xa.  - Nơi đây có phong cảnh đẹp **tuyệt mĩ**.  - Loài vật này đang có nguy cơ **tuyệt chủng**.  **BT3/sgk -67**  **- Vô hình:** Không nhìn thấy hình thể.  - **Hữu hình**: nhìn thấy hình thể.  - **Điềm đạm**: Luôn từ tốn, nhẹ nhàng, không gắt gỏng, nóng nảy.  - **Thâm trầm**: Sâu sắc và kín đáo, không để lộ tâm từ ra bên ngoài.  - **Khẩn trương**:Hết sức tranh thủ thời gian để mau chóng đạt kết quả.  - **Tuyệt chủng**: Mất hẳn nòi giống  - **Đồng bào**: Chỉ những người cùng một nòi giống, cùng một dân tộc.  **BT4/sgk - 67**  \* Nếu thay, ý nghĩa của đoạn văn sẽ bị thay đổi. Vì:  - Từ *mông muội* mang nghĩa thứ 2 là ngu dại, tối tăm sẽ mang sắc thái nghĩa tiêu cực, còn từ *hoang dã* thì mang sắc thái nghĩa trung hòa.  **BT5/sgk- 67**  a. \*Vô tư: không lo nghĩ gì  - Bạn nhỏ đó tính tình rất hồn nhiên, vô tư.  \*Vô ý thức: không có chủ định, không biết rõ mình đang làm là không đúng, là sai trái   - Xả rác bừa bãi là hành vi vô ý thức.  b. \* Chinh phu: Người đàn ông đi đánh trận thời phong kiến.  - Người chinh phu chinh chiến ngoài mặt trận.  \* Chinh phụ: Vợ của người đàn ông đi đánh trận thời phong kiến.  - “Chinh phụ ngâm” là tác phẩm tố cáo chiến tranh phi nghĩa thời phong kiến. |
| **4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG VIẾT NGẮN**  **a. Mục tiêu:** HS sáng tạo, vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc đọc và thực hành tiếng Việt để hoàn thiện được một đoạn văn ngắn có sử dụng từ Hán Việt.  **b. Nội dung:** Viết đoạn văn ngắn với chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.  **c. Sản phẩm:** Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện.**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 đến 15 câu) chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ (Viết đoạn văn)**  **\* Bước 3: Báo cáo sản phẩm (có thể báo cáo vào tiết Viết chính)**  **\* Bước 4: Bình chọn sản phẩm chất lượng nhất.**  - Tất cả các sản phẩm (nhóm hoặc cá nhân) đều được treo xung quanh lớp để cả lớp có thể dễ dàng quan sát và nhận xét, bình chọn (kĩ thuật phòng tranh)  ***Đoạn văn tham khảo***  Hiện nay, bao bì ni lông là vật dụng không thể thiếu đối với đời sống con người. Vì nó nhẹ, rẻ lại tiện lợi nên đáp ứng hầu hết các nhu cầu khác nhau trong đời sống. Tuy nhiên, do **lạm dụng** bao bì ni lông nên đã để lại những hậu quả **vô cùng** nghiêm trọng. Bao bì ni lông có tính chất không phân hủy. Nếu lẫn vào đất thì đất đai sẽ bị xói mòn, rơi xuống cống sẽ gây tắc nghẽn, ngập lụt, trôi ra biển sẽ làm chết các sinh vật khi chúng bị nuốt phải… Tình trạng xả rác thải nhựa bừa bãi**, vô ý thức** khiến môi trường bị ô nhiễm nặng nề. Do đó, chúng ta cần hạn chế **sử dụng** bao bì ni lông và có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường.  **Hướng dẫn học ở nhà**:  - Ôn lại kiến thức về từ Hán Việt  - Hoàn thành và xem lại các bài tập.  - Chuẩn bị bài mới: **: Đọc mở rộng theo thể loại: Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI**  + Đọc văn bản (SGK/68-69) | | |

Đọc mở rộng theo thể loại:

**LỐI SỐNG ĐƠN GIẢN – XU THẾ CỦA THẾ KỈ XXI**

(Chương Thâu)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Phân biệt được bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lĩ lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Rèn luyện lối sống giản dị, đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Phiếu học tập

- Giấy/bảng thảo luận cho HS

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Đọc bài, trả lời câu hỏi trong sgk và chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập đọc mở rộng thể loại văn nghị luận.

**b. Nội dung:** Xem video về lối sống đơn giản của người Bắc Âu.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày cảm nhận của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS xem video về lối sống đơn giản của người Bắc Âu https://youtu.be/XmYH5IdqCe0

**H:** Qua video vừa xem theo em tại sao sống đơn giản đem lại cho chúng ta hạnh phúc?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS chia sẻ cảm nhận

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học: Chắc hẳn nhiều hơn một lần bạn đã từng nghe về lối sống đơn giản và ích lợi của chúng. Có vô vàn các Blogger, Youtuber tự tin khẳng định mình hạnh phúc hơn khi theo đuổi lối sống này, thậm chí họ còn chia sẻ những trải nghiệm để bắt đầu lối sống này. Vậy hiểu về lối sống đơn giản là gì? Phải chăng đây là một chìa khóa vạn năng giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống của bạn? Và tại sao sống đơn giản lại mang đến cho chúng ta niềm hạnh phúc? Và trở thành xu hướng trong xã hội hiện đại ngày nay.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

1. **Mục tiêu:** HS đọc văn bản, có hiểu biết về thể loại, xuất xứ của văn bản.

**b. Nội dung:** GV cho HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trải nghiệm liên quan đến thông tin về văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu, 2 HS đọc  - HS lắng nghe  - GV yêu cầu HS:  + Xác định thể loại của văn bản.  + Xuất xứ của văn bản.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  - Thể loại: Văn nghị luận  - Văn bản *Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI* được in trong Báo *Văn nghệ*, số Tết, năm 2002. |

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV chia nhóm thảo luận** (8 nhóm)  - Trả lời cá nhân  *+ Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.*  *+ Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.*  ***- Thảo luận nhóm:*** ***Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận bằng sơ đồ.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng**  **\* Luận đề:** *Lối sống đơn giản – một xu thế của thế kỉ XXI* |
| **Dự kiến sản phẩm**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **LUẬN ĐỀ:** Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI | | | | | | | **Luận điểm 1:**Sống đơn giản là gì ? | | **Luận điểm 2:** Lợi ích của lối sống đơn giản. | | **Luận điểm 3:** Tiêu chuẩn của lối sống đơn giản. | | | **Lí lẽ:**  Theo quan niệm của những người đề xướng ra trào lưu. | **Bằng chứng:**  Sống đơn giản không đồng nghĩa với lối sống khổ hạnh. | **Lí lẽ:**  Sống đơn giản giúp thoát khỏi cái bẫy của vật chất và làm giàu cho đời sống tinh thần. | **Bằng chứng:**  Giúp biết kiềm chế lòng tham. | **Lí lẽ:**  Nhiều danh nhân đã lựa chọn cuộc sống như vậy. | **Bằng chứng:**  Đáp ứng đầy đủ nhu cầu thiết yếu. | |  | Sống đơn giản là tự lắng nghe chính mình. |  |  |  | Lối sống đơn gian giản từ xưa đã được cha ông coi trọng | | |
| **\* Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn:  *+ Lí lẽ và bằng chứng được nêu ở đoạn văn thứ ba có tác dụng như thế nào trong việc làm sáng tỏ luận đề?*  –> Lí lẽ và bằng chứng được nêu ở đoạn văn thứ ba có tác dụng liệt kê lại những ví dụ thực tế, làm sáng tỏ luận đề là một lối sống đơn giản được coi là xu thế của thế kỷ mới. Chúng đóng vai trò là minh chứng được tác giả áp dụng vào việc làm sáng tỏ luận đề và các luận điểm chính trong đoạn., làm cho bài viết mang tính xác thực -> Góp phần khẳng định ý nghĩa của lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI. (luận đề).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV chốt lại về vai trò của lí lẽ và bằng chứng trong văn nghị luận.**  **\* Nhiệm vụ 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản. (đoạn văn thứ tư).*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  + *Văn bản viết ra nhằm mục đích gì?* | ***2. Vai trò của lí lẽ và bằng chứng***    - Liệt kê lại những ví dụ thực tế  - Minh chứng làm sáng tỏ luận đề, luận điểm chính  - Làm cho bài viết mang tính xác thực.  -> Góp phần khẳng định ý nghĩa của lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI. (luận đề).  ***3. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.***  - Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết trong đoạn thứ tư của văn bản là:  “Ở thời đại nào cũng có những con người biết sống nhàn, nhưng không phải là lẩn tránh cuộc sống thực tế mà sống một cách có ích cho đời. *Có thể kể ra ở đây có rất nhiều danh nhân của đất Việt đã từng có cuộc sống như vậy: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Chí Minh*…”  - Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của văn bản là:  *“Dựa vào nguyên tắc của cuộc sống đơn giản, tiêu chuẩn tối thiểu của cuộc sống này là: đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu như ăn, mặc, ở, đi lại.”*  **III. LUYỆN TẬP** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn nghị luận (10-12 câu) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lối sống đơn giản.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Viết đoạn văn nghị luận (10-12 câu) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lối sống đơn giản.

Gợi ý:

**- Lối sống đơn giản và tối giản giúp tìm lại sự bình yên và hạnh phúc**

+ Tập trung vào những điều cơ bản của cuộc sống

+ Học cách sống chậm lại và tận hưởng từng khoảnh khắc của cuộc sống

- **Lối sống đơn giản và tối giản giúp tiết kiệm tiền bạc và thời gian**

+ Tiết kiệm tiền bạc bằng cách không mua những thứ không cần thiết

+ Dành thời gian và tiền bạc cho những việc có ý nghĩa hơn

- **Lối sống đơn giản và tối giản giúp trở thành những người có tâm hồn thanh tịnh và không gian sống gọn gàng**

+ Không lo lắng về những thứ không cần thiết

+ Tập trung vào những điều quan trọng hơn trong cuộc sống

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi.

**\*Đoạn văn tham khảo:**

Trong cuộc sống hiện đại, con người thường đưa ra những mục tiêu về tiền tài, vật chất và danh vọng. Điều này khiến cho nhiều người cảm thấy áp lực và căng thẳng trong cuộc sống. Tuy nhiên, một lối sống đơn giản sẽ giúp con người tìm lại sự bình yên và hạnh phúc trong cuộc sống. Lối sống đơn giản đòi hỏi chúng ta phải tập trung vào những điều cơ bản nhất của cuộc sống như sức khỏe, tình yêu, tình bạn và gia đình. Chúng ta cần phải học cách sống chậm lại và tận hưởng từng khoảnh khắc của cuộc sống. Điều này giúp chúng ta tránh khỏi sự bận rộn và căng thẳng của cuộc sống hiện đại. Ngoài ra, lối sống đơn giản còn giúp chúng ta tiết kiệm được nhiều tiền bạc và thời gian. Chúng ta không cần phải mua những thứ không cần thiết và tiêu tốn nhiều tiền của mình vào những thứ đó. Thay vào đó, chúng ta có thể dành thời gian và tiền bạc để làm những việc có ý nghĩa hơn cho cuộc sống của mình. Cuối cùng, lối sống đơn giản giúp chúng ta trở thành những con người có tâm hồn thanh tịnh và không gian sống gọn gàng. Chúng ta không cần phải lo lắng về những thứ không cần thiết và có thể tập trung vào những điều quan trọng hơn cho cuộc sống của mình. Với những lợi ích trên, chúng ta tin rằng lối sống đơn giản là một lối sống tốt cho sức khỏe tinh thần và cả sức khỏe vật chất của con người. Chỉ cần chúng ta bắt đầu từ những điều đơn giản, chúng ta sẽ tìm thấy cuộc sống có rất nhiều điều ý nghĩa.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản, em hãy đưa ra một số ý kiến của em về cách hình thành thói quen sống đơn giản trong thời đại hiện nay.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để *bày tỏ ý kiến cá nhân*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em hãy đưa ra một số ý kiến của em về cách hình thành thói quen sống đơn giản trong thời đại hiện nay.

**Bước 2:**

HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

***\*GV chốt:*** *Phát triển bản thân không phải lúc nào cũng là học tập thật nhiều, rèn luyện kỹ năng chuyên môn, lấy được số điểm tốt hay tấm bằng cao… mà lại là rèn luyện cho mình những thói quen tốt, đơn giản và bình thường mỗi ngày. Hãy là một người sống có chất lượng và tạo ra giá trị từng phút giây.*

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận

+ Chuẩn bị bài: ***Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống***

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối).

- Nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Về phẩm chất**

Yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT, PHT.

- Bảng kiểm đánh giá bài viết.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Gv tổ chức trò chơi Đuổi hình bắt chữ. Gv chiếu từng hình ảnh sau đó HS nhìn hình ảnh và trả lời câu hỏi.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới: | - Vấn đề bảo vệ môi trường biển, vấn đề bạo lực học đường, an toàn giao thông, hạn chế sử dụng túi ni lông, trồng cây xanh. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được vấn đề cần bàn luận, trình bày được ý kiến tán thành, phản đối của mình với vấn đề cần bàn luận và đưa ra các lí lẽ rõ ràng, bằng chứng xác thực để làm sáng tỏ cho ý kiến.

**b. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn Hs phân tích kiểu văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *GV phát PHT số 1*   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Nội dung** | | Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì? |  | | Tác giả thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối với vấn đề đó? |  | | Vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài viết? |  |   *+ Từ PHT, yêu cầu Hs rút ra nhận xét về sức thuyết phục của các lí lẽ, dẫn chứng được nêu ra?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn.  - GV quan sát, gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Phân tích kiểu văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Nhận xét**  - Vấn đề được bàn luận trong bài viết là cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên.  - Tác giả thể hiện thái độ đồng tình với vấn đề trên.  Soạn bài Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống | Hay nhất Soạn văn 8 Chân trời sáng tạo (ảnh 1)  - Tác giả đưa ra các lí lẽ, bằng chứng phù hợp, dễ hiểu giúp người đọc xác định và hình dung rõ hơn vấn đề đang bàn luận và soi xét vào thực tế cuộc sống. |
| **NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trước khi viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV hướng dẫn tìm hiểu bước Trước khi viết bằng PHT số 2*   |  |  | | --- | --- | | Quy trình viết | Vấn đề đồng tình hay phản đối | | **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết.*** |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3: Hướng dẫn Hs tìm ý, lập dàn ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát PHT số 3:* Liệt kê các ý kiến đồng tình hoặc phản đối về đề tài đã chọn dựa vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Đồng tình |  |  | | Phản đối |  |  |   Sắp xếp các ý tìm được dựa vào dàn ý sau:   |  |  | | --- | --- | | Mở bài | Nêu vấn đề cần bàn luận.  Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. | | Thân bài | 1. Giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận  2. Bàn luận:  Trình bày vấn đề cần bàn luận.  Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.  Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm. | | Kết bài | Khẳng định lại vấn đề.  Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học. |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS đọc, quan sát, suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung sản phẩm của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, khích lệ học sinh  **NV4: Hướng dẫn Hs viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv chiếu và phát bảng kiểm*  *+ Hs tiến hành viết bài văn hoàn chỉnh*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV5: Hướng dẫn Hs chỉnh sửa và chia sẻ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv tiếp tục chiếu bảng kiểm*  *+ Hs tiến hành viết bài văn hoàn chỉnh*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Viết theo quy trình**  **Đề bài:** [**Câu lạc bộ Văn học trường em phát động viết bài với đề tài “Con người và thiên nhiên”. Hãy viết một bài văn nghị luận, bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm và gửi cho ban tổ chức.**](https://vietjack.com/soan-van-lop-8-ct/viet-mot-bai-van-nghi-luan-bay-to-y-kien-ve-mot-van-de.jsp)  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  Em có thể chọn một vấn đề dưới đây để bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối:  + Tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng.  + Hiện tượng xả rác bừa bãi.  + Nạn săn bắt thú hoang dã.  + Tuổi trẻ cần có trách nhiệm với việc bảo vệ môi trường sống.  + Cần cấm sử dụng vật dụng bằng ni lông để bảo vệ môi trường.  + …  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  Hs làm theo PHT số 3  **Bước 3: Viết bài**  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  - Dựa vào bảng kiểm, Hs xem xét và điều chỉnh bài viết |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hiện nhiệm vụ viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

**b. Sản phẩm học tập:** Bài văn nghị luận

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Đề bài: [**Câu lạc bộ Văn học trường em phát động viết bài với đề tài “Con người và thiên nhiên”. Hãy viết một bài văn nghị luận, bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm và gửi cho ban tổ chức.**](https://vietjack.com/soan-van-lop-8-ct/viet-mot-bai-van-nghi-luan-bay-to-y-kien-ve-mot-van-de.jsp)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hành trên lớp  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét | Bài viết của học sinh |

**D. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Hoàn thiện bài viết.

- Chuẩn bị bài: Nói và nghe Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.

**IV. Phụ lục**

Bảng kiểm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Phần mở đầu | Nêu vấn đề cần bàn luận |  |  |
| Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối. |  |  |
| Phần thân bài | Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày vấ đề cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Nêu được ít nhất hai lí lẽ một cách thuyết phục để làm rõ luận điểm. |  |  |
| Nêu được bằng chứng đa dạng, cụ thể, phù hợp với luận điểm. |  |  |
| Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí |  |  |
| Phần kết bài | Khẳng định lại vấn đề. |  |  |
| Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học rút ra từ vấn để bàn luận. |  |  |
| Trình bày, diễn đạt | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |  |
| Diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục. |  |  |

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày ý kiến về một vấn xã hội.

- Biết dùng bằng chứng khách quan để làm sáng tỏ vấn đề.

- Xác được ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong quá trình tranh luận một vấn đề nào đó.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Trình bày, bày tỏ ý kiến quan điểm của mình về một vấn đề xã hội.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực, mạnh dạn, tự tin bày tỏ quan điểm cá nhân trước một vấn đề.

- Bồi dưỡng tâm hồn, tôn trọng góc nhìn của mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói, bảng kiểm, PHT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi, HS xem clip, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Gv đặt câu hỏi:*  *+* Đoạn clip trên đề cập đến vấn đề gì?  + Thông điệp mà tác giả gửi gắm?  + Vấn đề chúng ta cần thảo luận ở đây là gì?  *- GV chiếu clip*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem clip  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả .**  - Gv yêu cầu hs trả lời.  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận nhận định .**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài  Bao bì ni lông đang là một vấn nạn - “ô nhiễm trắng”. Vậy chúng ta hãy hành động như thế nào trước vấn nạn đó để bảo vệ môi trường? Và đó cũng là nội dung của tiết học ngày hôm nay. | - Hs chia sẻ ý kiến:  - Đoạn clip trên đề cập đến tác hại bao bì ni lông.  - Bảo vệ môi trường.  - Cấm hay hạn chế sử dụng nó. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, kiến thức trong thực tế, mạng ... chắt lọc kiến thức để tiến hành thảo luận.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  + Gv giao hs làm dàn ý ở nhà trước. Gồm các đề sau.  *Luận đề*:  Tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng.   1. Hiện tượng xả rác bừa bãi 2. Cần cấm sử sụng bao bì ni lông để BVMT.   + GV phát PHT số 1,2 cho hs.  ***+ GV yêu cầu:***  *hs thực hiện phiếu số 1, 2*  **PHT số 1**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Dự kiến của tôi** | | Luận đề |  | | Người nghe |  | | Thời gian |  | | Không gian |  | | Hình thức trình bày |  |   + **Tìm ý, lập dàn ý**  **-** Liệt kê các ý kiến đồng tình hay phản đối vào PHT 2  **PHT số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Đồng tình |  |  | | Phản đối |  |  |   - Sắp xếp các ý tìm được vào sơ đồ :    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành làm PHT  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý | **1. Chuẩn bị bài nói.**  **+ Bước 1: Xác định đề tài.**  - **Đề tài:** Cần cấm sử sụng bao bì ni lông để BVMT  - **Người nghe**: Cô và các bạn hs.  **- Không gian và thời gian**: trong lớp, trong tiết học.  - **Trình bày:** thiết kế clip hoặc power point.  **+ Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý.**  **MB:**  **-** Giới thiệu vấn đề nêu ý kiến không đồng tình..  **TB:**  **1. Giải thích:**  - Bao bì ni lon là sản phẩm được làm bằng màng [nhựa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BB%B1a), [chất dẻo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BA%A5t_d%E1%BA%BBo), [nhựa nhiệt dẻo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BB%B1a_nhi%E1%BB%87t_d%E1%BA%BBo), [vải không dệt](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%A3i_kh%C3%B4ng_d%E1%BB%87t) hoặc [vải](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%A3i) làm từ nhựa mỏng và dẻo. Chúng thường được sử dụng để chứa và vận chuyển hàng hóa như thực phẩm, sản phẩm, bột, nước đá, [tạp chí](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A1p_ch%C3%AD), [hóa chất](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%B3a_ch%E1%BA%A5t) và [chất thải](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BA%A5t_th%E1%BA%A3i)….  **2. Bàn luận:**  **2.1 Trình bày ý kiến đồng tình:**  **- Lí lẽ:** Bao bì ni lôn rất tiện lợi, giá thành rẻ, độ bền cao.  - **Bằng chứng:**  + Về giá: 1 kg túi nilon khoảng 35.000đ được 100 -120 chiếc. Như vậy 1 túi có giá tương 200đ => quá rẻ.  + Độ bền cao, dẻo dai, khó rách, đứt, có khả năng chịu nhiệt nóng lạnh tốt..  + Nhẹ mềm, mỏng, da dạng kích thước, màu sắc nên rất tiện lợi ….  **2.2 Trình bày ý kiến đồng tình:**  **- Lí lẽ:** do đặc tính phân huỷ của nhựa pla-xtíc và do con người lạm dụng bao bì nilon.  - **Bằng chứng:**  + Đối với môi trường.  + Đối với sức khỏe con người.  + Ngoài ra nó còn có tác hại khác.  **KB:**  - Khẳng định lại vấn đề.  - Đưa ra giải pháp thay thế. |

**Hoạt động 2: Thảo luận**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày ý kiến một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung:** Các ý kiến đưa ra các ý kiến về một vấn đề nào đó trong cuộc sống.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra ý kiến của mình đồng tình hay không đồng tình.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Trong nhóm cử một đại diện làm nhóm trưởng và thư ký,*  *+ Nhóm trưởng điều hành nhóm.*  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs bày tỏ ý kiến quan điểm về một vấn đề xã hội.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn | **2. Thảo luận:**  Sản phẩm của nhóm sau khi đã thống nhất. |

**Hoạt động 3: Trình bày .**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Trình bày đề tài mà nhóm đã chuẩn bị theo dàn ý .

**c. Sản phẩm học tập:** Bài thảo luận của hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.*  *+ GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận sau khi đã chỉnh sửa.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Trình bày**  **-** Lời chào, giới thiệu về bản thân.  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.  - Khi nói cần kết hợp ngôn ngữ hình thể, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt…  - Sử dụng những từ ngữ liên kết: mặt khác, song song, bên cạnh đó, tuy nhiên…  - Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết thúc bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm gây sự chú ý từ người nghe.  - Cần dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước.  - Trình bày theo trình tự đã chuẩn bị. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để làm tốt bài của mình.

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video hoặc thiết kế trên power point bài của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** Video hoặc power point của nhóm học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  + Em hãy chia sẻ những kinh nghiệm của bản thân về kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội. (Sử dụng kĩ thuật 3-2-1).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thực hiện ở nhà  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Hs nộp sp  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV thu nhập sản phẩm của hs qua mail hoặc zalo  - Gv nhận xét ưu, khuyết bài của hs. | - Hs quay video bài nói, thiết kế power point gửi cho giáo viên |

**Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn để trong cuộc sống**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Bài trình bày đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |  |
| Nêu rõ vấn đề trình bày. |  |  |
| Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày. |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. |  |  |
| Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ. |  |  |
| Các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung trình bày. |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe. |  |  |
| Trình bày tự tin, nói năng lưu loát. |  |  |
| Đảm bảo thời gian quy định. |  |  |

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Hiểu được các đặc điểm, cách viết/ trình bày bài văn trình bày văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của bài văn nghị luận.

- Năng lực viết/ nói bài văn trình bày về một hiện tượng đời sống và chỉ ra được luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong một văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức trò chơi nhớ lâu, nhớ kĩ**  **-** Gv giao nhiệm vụ:  - Lớp làm 2 nhóm, yêu cầu HS gấp hết SGK, tập vở lại.  - Lớp chia thành 2 đội. Hai đội ghi nhanh vào Phiếu học tập 01 nhắc lại những tên văn bản nghị luận, tác giả đã được học trong bài 3: Sự sống thiêng liêng.  **PHT số 1**   |  |  | | --- | --- | | Tên bài học | Tác giả | |  |  | |  |  | |  |  |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs trao đổi và điền vào PHT số 1  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Hs trình bày sp  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét ưu, khuyết bài của hs.  - GV dẫn dắt vào bài | - **VB1:** Bức thư thủ lĩnh da đỏ: Xi- at - tô  - **VB2**:Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu : Vũ Nho  - **VB3:** Lối sống đơn giản – Xu thế của thế kỉ XXI : Chương Thâu. |

1. **HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức về phần văn nghị luận**

1. **Mục tiêu:**

Hs biết được luận đề, luận điểm và mối quan hệ giữa chúng.

Hs biết được bằng chứng khách quan với ý kiến đánh giá chủ quan của người viết.

**b) Nội dung:** Cả lớp làm câu hỏi 1,2,3 sgk/76.

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chuyển giao nhiệm vụ:  + BT2,3: GV đặt câu hỏi để hs trả lời câu hỏi  + BT1: Hs làm theo PHT 2 (làm ở nhà)  **PHT 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Văn bản | Luận đề | Luận điểm | Lí lẽ và bằng chứng | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả.  - GV nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý. | 1. **Ôn tập**   **1. Ôn tập phần lí thuyết.**  **Câu 2. Căn cứ vào đâu để phân biệt bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận?:**  – Bằng chứng khách quan là bằng chứng có tính xác thực được nhiều người công nhận.  – Đánh giá chủ quan của người viết là đưa ra quan điểm, đánh giá của chủ quan người viết về vấn đề được bàn luận  **Câu 3. Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò gì trong việc thể hiện luận đề?**  Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng giúp làm rõ luận đề, người đọc sẽ hiểu được vấn đề đang được bàn bạc, phân tích, tăng tính chân thực, xác đáng, nhằm tăng sức thuyết phục.  **2.** **Bài 1** : hs làm vào tập theo mẫu PHT số 2 |

**Hoạt động 2: Thực hành Tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:** HS tìm và giải nghĩa được từ có các yếu tố Hán Việt đã được học trong bài

**b) Nội dung:** Cả lớp làm BT 4

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 4/76  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, đánh giá:**  GV nhận xét, chốt | **3. Ôn tập phần thực hành Tiếng Việt . (Câu 4/76**)  ***1. Vô hình:*** Không xuất hiện hình dáng cụ thể.  ***2. Hữu hình:*** Có hình dáng, đường nét xuất hiện  ***3. Thâm trầm***: Người sâu sắc, kín đáo.  ***4. Điềm đạm:*** Người có tính cách nhẹ nhàng, nho nhã,lịch sự, giản dị.  ***5. Khẩn trương:*** Cấp bách, cần giải quyết ngay.  ***6. Tuyệt chủng:*** Điều gì đó hoàn toàn biến mất.  ***7. Đồng bào:*** Người trong cùng một giống nòi, dân tộc, đất nước.  ***8. Văn hóa:*** Những giá trị vật chất, tinh thần do con người tạo ra trong lịch sử.  ***9. Bình yên****:* yên ổn, không gặp trắc trở, rủi ro.  ***10. Xu thế:*** chiều hướng chủ đạo, được đông đảo người theo. |

**Hoạt động 3: Nói và nghe**

**a) Mục tiêu:** HS biết được cách trình bày, rút ra được kinh nghiệm khi làm một bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b) Nội dung:** hs trả lời câu hỏi 5,6

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Bài số 5 chia sẻ sản phẩm của mình bằng pp hoặc infographic theo mẫu trong sgk/72*  *+ Bài số 6 sử dụng kĩ thuật 3-2-1*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận,  **Bước 4: Kết luận, đánh giá:**  GV nhận xét, chốt | **3. Ôn tập phần nói và nghe**  **- sp của hs.** |

**D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG.**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức đã học.

- Vận dụng kiến thức đã học để sáng tạo một sản phẩm mang thông điệp: **“** ***Mọi sự sống đều thiêng liêng, đáng quý”***

**b. Nội dung:**

**-** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

- Sử dụng kĩ thuật phòng tranh để hs thiết kế sp

**c. Sản phẩm học tập:** Sp của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  - Gv tổ chức trò chơi: kĩ thuật phòng tranh.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận,  **Bước 4: Kết luận, đánh giá:**  GV nhận xét, chốt.  GV có thể lấy điểm KTX. | **Thiết kế sp sáng tạo**  Sp trưng bày của hs. |

|  |
| --- |
|  |

**PHT số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** |
| **1.Bức thư của thủ lĩnh da đỏ** | *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ gửi cho người muốn mua mảnh đất của họ.* | **Luận điểm 1**: Những điều thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ. | – Mảnh đất của người da đỏ vô cùng thiêng liêng, là người mẹ của người da đỏ. – Bông hoa là người chị, người em. – Dòng nước là máu của tổ tiên người da đỏ – Những tiếng thì thầm của dòng nước chính là những tiếng nói của cha ông với thế hệ sau. |
| **Luận điểm 2:** Sự khác nhau trong cách đối xử giữa đất đai và thiên nhiên của người da trắng và người da đỏ. | – Đối với người da trắng: + Đất đai là kẻ thù, khi chinh phục được sẽ càng lấn tới. + Họ đối xử với đất và trời như những hàng hóa, tước đoạt được rồi lại bán đi. + Người da trắng không có nơi yên tĩnh, không quan tâm đến bầu không khí họ đang hít thở. – Đối với người da đỏ: + Đất đai là mẹ nên họ vô cùng trân quý. + Họ rất biết trân trọng không khí. + Đối xử với muôn loài như người anh em |
| **Luận điểm 3:** Những kiến nghị của người da đỏ: | – Người da trắng phải đối xử với muông thú như những người anh em. – Phải dạy con cháu biết quý trọng đất đai. |
| **2. Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu** | *Bức tranh thiên nhiên giao mùa từ hạ sang thu và những tình cảm của nhà thơ.* | **Luận điểm 1:** Mùa thu đến đột ngột và bất ngờ | – Bắt đầu là hương ổi thơm nao nức. – Sương đủng đỉnh qua ngõ. – Tác giả không tin mùa thu đã về: “Hình như thu đã về”. |
| **Luận điểm 2:** Cảm giác thực về mùa thu | – Tác giả quan sát thiên nhiên ở không gian rộng lớn hơn. – Thấy được sự đổi thay của các sự vật: + Dòng sông khác ngày thường. + Chim bắt đầu vội vã. + Đám mây chuyển mình. |
| **Luận điểm 3:** Mùa thu thực sự đã tới | – Mùa thu được cảm nhận bằng cả kinh nghiệm lẫn suy ngẫm. – Tác giả nhận ra sự khác thường của mưa, nắng, sấm, chớp… |
| **Luận điểm 4:** Cảm nhận, suy nghĩ, tình cảm của tác giả đối với mùa thu. | – Sự thay đổi của con người khi sang thu. – Nhan đề thấm vào cảnh vật và con người. |
| **3.Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI** | *Lối sống giản dị trong thời đại thế giới phát triển không ngừng.* | **Luận điểm 1**: Sống giản dị là gì?. | – Theo quan niệm của những người đề xướng ra trào lưu + Sống giản dị không đồng nghĩa với sống khổ hạnh + Sống đơn giản là tự lắng nghe mình. |
| **Luận điểm 2**: Những biểu hiện của lối sống giản dị. | – Giúp thoát khỏi cạm bẫy vật chất và làm giàu cho đời sống tinh thần. - Biết kiềm chế lòng tham – Nhiều danh nhân đã có lối sống như vậy. |
| **Luận điểm 3**: Tiêu chuẩn của lối sống giản dị. | + Đáp ứng đầy đủ nhu cầu thiết yếu + Lối sống từ xưa đã được cha ông coi trọng |

**Tài liệu được chia sẻ bởi**

**https://www.vnteach.com**

**https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/**